

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index đang cho thấy xu hướng giằng co mạnh mẽ trên ngưỡng 1,330. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,331.92 điểm, gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng ở chiều ngược lại ngành Công nghệ Thông tin giảm điểm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Điểm tích cực là VN-Index vẫn đóng cửa trên 1,330 (tương đương SMA10), tuy nhiên áp lực bán tại vùng giá cao hiện hữu khá rõ ràng trong phiên. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+1.60** điểm, đóng cửa tại **1331.92** điểm. HNX-Index **-1.44** điểm, đóng cửa tại **244.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.05)**, **CTG (+0.67)**, **GVR (+0.45)**, **VRE (+0.38)**, **GEE (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.89)**, **VCB (-0.41)**, **MBB (-0.30)**, **HVN (-0.30)**, **VPB (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,367** tỷ đồng, tăng **1.43%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,344 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.79 điểm. Thị trường có **270** mã tăng, **78** mã tham chiếu, **191** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-399.00** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-155.67 tỷ)**, **SHB (-117.89 tỷ)**, **TPB (-80.14 tỷ)**, **VHM (-58.83 tỷ)**, **VCI (-49.23 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-20.26** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.12%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - KBC (+2.23%)**
 - TPB (+2.07%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - BID (+1.53%)** [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.28%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VRE (+3.39%)**
 - HAH (+2.37%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - TNG (+2.36%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.12%	0.28%	0.12%	-0.14%
1 tuần	-0.66%	-0.95%	0.07%	0.01%
1 tháng	0.02%	-0.48%	2.71%	2.59%
3 tháng	-1.28%	1.89%	4.54%	3.45%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,331.92	244.56	99.17
% 1D	0.12%	-0.59%	-0.01%
GTGD (tỷ VND)	17,367	902	570
%1D	1.43%	8.36%	8.82%
GDNN (tỷ VND)	-399.00	-20.26	-10.52

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	185.04	FPT	-155.67
VPI	112.99	SHB	-117.89
HDB	74.78	TPB	-80.14
APG	47.18	VHM	-58.83
CTG	21.15	VCI	-49.23

Thị trường thế giới

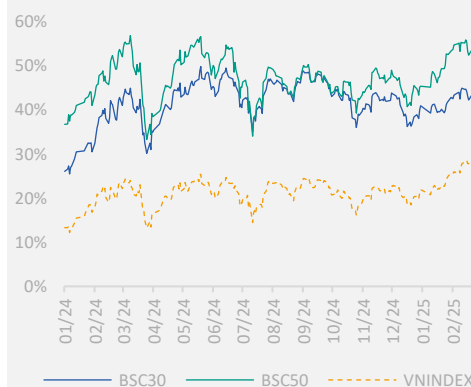
		%D	%W
SPX	5,768	1.76%	1.63%
FTSE100	8,675	0.43%	-0.34%
Eurostoxx	5,446	0.45%	-0.68%
Shanghai	3,370	0.00%	-1.74%
Nikkei	37,805	0.52%	-0.11%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.29	1.20%
Giá vàng	3,020	-0.76%
Tỷ giá		
USD/VND	25,820	0.04%
EUR/VND	28,461	-0.37%
JPY/VND	174	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

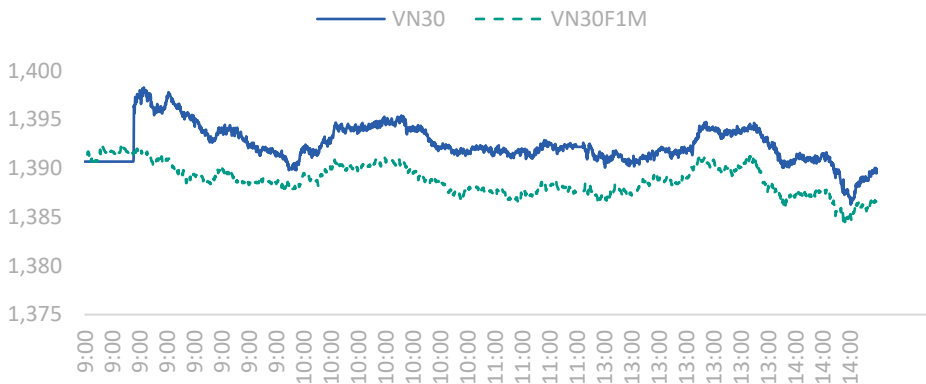
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1381.20	-0.25%	74	16%	9/18/2025	177
VN30F2504	1386.70	-0.24%	163,716	-20%	4/17/2025	23
VN30F2505	1386.10	-0.16%	644	8%	5/15/2025	51
VN30F2506	1382.20	-0.26%	110	-2%	6/19/2025	86

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -1.91 điểm, đóng cửa tại 1388.79 điểm. Biên độ dao động 12.01 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MBB, TCB, VPB, LPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giằng co trong vùng 1,390 – 1,400 sau đó lùi xuống 1,385 trước khi trở lại đóng cửa tại 1,388.79, gần như đi ngang so với hôm qua. Thanh khoản giảm nhẹ trong phiên. Chiến lược là Long/Short linh hoạt.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2504, VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2404	3/28/2025	3	341,100	-87.37%	1.79	20	100.0%	3.25	1.87	14.80	14.80
CVNM2408	3/28/2025	3	229,900	-87.32%	7.63	20	100.0%	6.77	7.79	61.40	61.40
CVRE2405	4/28/2025	34	786,100	-82.73%	1.90	760	49.0%	8.95	3.42	19.80	19.80
CVRE2504	6/30/2025	97	1,800	-76.06%	1.79	2,950	40.5%	18.03	4.74	19.80	19.80
CVRE2408	8/14/2025	142	600	-73.69%	2.00	1,070	35.4%	5.95	5.21	19.80	19.80
CHPG2509	8/5/2025	133	4,800	-76.47%	2.80	1,200	34.8%	8.15	6.40	27.20	27.20
CVRE2410	6/30/2025	97	466,000	-83.09%	2.19	290	31.8%	4.41	3.35	19.80	19.80
CVRE2406	7/28/2025	125	391,000	-77.68%	1.90	630	28.6%	4.48	4.42	19.80	19.80
CVRE2502	5/26/2025	62	543,700	-74.04%	1.70	1,720	26.5%	9.06	5.14	19.80	19.80
CTPB2501	6/30/2025	97	105,200	-85.47%	1.77	380	18.8%	13.05	2.15	14.80	14.80
CVRE2501	6/26/2025	93	516,700	-75.45%	1.80	1,020	18.6%	6.01	4.86	19.80	19.80
CTCB2505	6/30/2025	97	24,000	-76.20%	2.64	2,000	17.6%	12.65	6.64	27.90	27.90
CVRE2503	10/27/2025	216	46,800	-70.40%	1.80	2,030	16.7%	9.02	5.86	19.80	19.80
CVRE2505	10/23/2025	212	7,000	-68.48%	1.70	2,270	15.2%	9.07	6.24	19.80	19.80
CMWG2405	4/28/2025	34	160,900	-86.98%	6.60	320	14.3%	13.48	7.88	60.50	60.50
CMWG2501	6/26/2025	93	69,800	-81.82%	6.20	960	14.3%	10.87	11.00	60.50	60.50
CMWG2410	6/30/2025	97	176,000	-83.84%	7.08	270	12.5%	5.35	9.78	60.50	60.50
CMWG2502	5/26/2025	62	735,500	-82.15%	6.00	960	11.6%	10.91	10.80	60.50	60.50
CTCB2506	10/23/2025	212	25,700	-68.82%	2.50	1,550	11.5%	6.37	8.70	27.90	27.90
CVIC2503	6/30/2025	97	22,300	-67.21%	4.26	4,800	10.9%	17.56	18.66	56.90	56.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

 *: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 25/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2404 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CVRE2407 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.97%.
- CFPT2404, CVHM2503, CTCB2504, CVIC2501, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVRE2504, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VRE	19.80	3.39%	0.57
CTG	42.30	1.20%	0.39
TPB	14.80	2.07%	0.38
HDB	22.75	0.44%	0.25
MWG	60.50	0.33%	0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	126.50	-1.94%	-2.19
MBB	24.20	-0.82%	-0.63
TCB	27.90	-0.36%	-0.43
VPB	19.50	-0.51%	-0.41
LPB	34.00	-0.44%	-0.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	39.70	1.53%	1.05	7.02
CTG	42.30	1.20%	0.67	5.37
GVR	34.60	1.32%	0.45	4.00
VRE	19.80	3.39%	0.38	2.27
GEE	71.50	4.38%	0.24	0.31

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

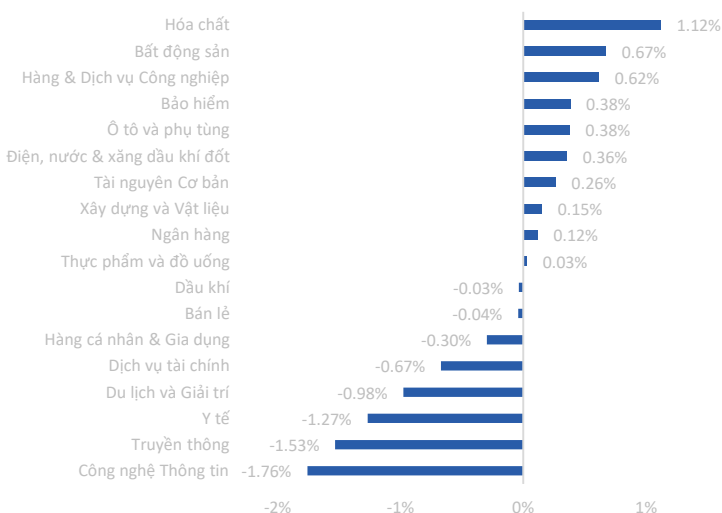
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	186.00	0.81%	0.19	0.20
DTK	13.30	2.31%	0.13	0.68
HHC	119.90	9.00%	0.11	0.02
NTP	67.10	1.21%	0.07	0.14
MVB	25.40	3.67%	0.06	0.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DPR	50.50	6.99%	0.07	2.97
HU1	6.44	6.98%	0.00	0.01
VAF	20.70	6.98%	0.01	0.04
TRC	85.10	6.91%	0.04	0.83
CRC	7.43	6.91%	0.01	1.21

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PPE	13.30	9.92%	0.01	0.00
SMT	8.90	9.88%	0.02	0.04
AME	6.80	9.68%	0.15	0.01
DL1	5.80	9.43%	0.20	5.07
PGT	9.30	9.41%	0.03	0.06

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	126.50	-1.94%	-0.89	1.47
VCB	66.20	-0.45%	-0.41	5.59
MBB	24.20	-0.82%	-0.30	6.10
HVN	29.40	-1.84%	-0.30	2.21
VPB	19.50	-0.51%	-0.19	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

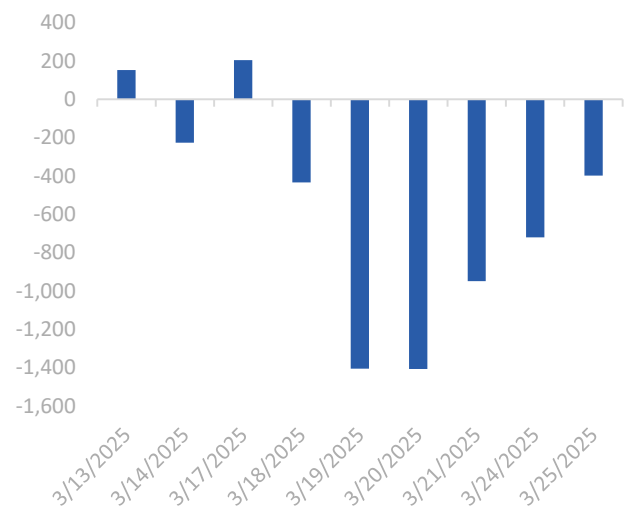
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	34.50	-4.70%	-0.40	0.38
KSF	75.80	-1.04%	-0.15	0.30
NVB	12.20	-1.61%	-0.15	1.17
PVI	66.40	-1.19%	-0.12	0.23
MBS	31.10	-0.96%	-0.11	0.57

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNC	34.10	-6.96%	-0.01	0.00
HRC	39.70	-6.92%	-0.02	0.00
DTA	4.95	-6.07%	0.00	0.12
IMP	45.15	-5.94%	-0.10	0.97
L10	19.15	-5.90%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTC	4.60	-9.80%	-0.02	0.01
NHC	24.10	-9.74%	-0.02	0.00
WCS	369.00	-9.54%	-0.30	0.00
TPH	12.20	-8.96%	-0.01	0.03
BST	12.40	-8.15%	0.00	0.00

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.5	0.3%	1.4	88,127	408.0	2,544	23.7		45.8%	
KBC	Bất động sản	29.9	2.2%	1.3	22,414	146.4	555	52.6		19.2%	
KDH	Bất động sản	32.8	0.5%	1.0	32,963	96.6	862	37.8		35.9%	
PDR	Bất động sản	20.1	0.5%	1.9	17,463	122.2	643	31.1	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	51.5	0.4%	1.2	210,710	1020.3	7,286	7.0	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	126.5	-1.9%	0.9	189,768	717.6	5,371	24.0	163,000	42.6%	Link
BSR	Dầu khí	19.5	0.5%	0.0	59,995	23.6	204	95.1		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.6	0.0%	1.0	15,582	50.9	2,473	13.2	40,300	17.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.9	-1.7%	1.6	23,327	264.7	1,571	20.6		43.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.9	-0.9%	1.3	53,265	653.6	1,536	17.7		38.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.1	-1.0%	1.7	28,329	261.0	1,537	25.7		29.7%	
DCM	Hóa chất	34.1	0.3%	1.1	17,973	35.2	2,682	12.7	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	104.2	0.2%	1.4	39,497	107.5	7,864	13.2	111,400	15.8%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	-0.2%	0.9	117,696	181.9	3,759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.7	1.5%	1.0	274,535	117.2	3,571	11.0	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	42.3	1.2%	1.3	224,466	212.7	4,720	8.9		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.8	0.4%	1.1	79,163	617.2	3,667	6.2		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.2	-0.8%	1.1	148,895	408.0	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.9	0.0%	1.3	30,940	363.6	2,123	5.6	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	38.7	0.1%	1.0	72,769	214.5	5,351	7.2		21.9%	
TCB	Ngân hàng	27.9	-0.4%	1.2	197,816	498.2	3,054	9.2	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.8	2.1%	1.1	38,308	325.1	2,299	6.3	-	27.7%	Link
VCB	Ngân hàng	66.2	-0.5%	0.6	555,653	138.9	4,049	16.4		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.1	0.5%	1.2	59,434	290.6	2,424	8.2		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.5	-0.5%	1.0	155,505	245.8	1,989	9.9	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	0.2%	1.3	173,658	875.1	1,879	14.5	37,500	21.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.9	0.9%	1.8	11,022	76.3	935	19.0	22,700	7.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.9	-0.3%	1.4	10,040	168.6	2,712	11.1	31,000	5.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.5	0.0%	1.2	98,527	285.2	1,345	50.9		25.3%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.4	0.0%	0.7	128,323	153.9	4,494	13.7		50.2%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.3	-0.38%	1.6	8,646	26.7	2,042	19.3	18.8%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	170.0	-1.16%	0.6	23,434	109.8	2,331	73.8	32.9%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	52.4	0.38%	0.8	38,749	12.5	2,809	18.6	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.2	1.25%	2.0	12,167	174.4	172	115.9	3.1%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.6	0.00%	1.8	14,413	110.3	349	47.4	20.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.8	1.52%	1.4	4,709	127.5	377	70.0	2.9%	3.1%	
HDG	Bất động sản	26.9	0.19%	1.4	9,031	46.3	1,714	15.7	19.5%	9.4%	
IDC	Bất động sản	54.2	0.00%	1.0	17,886	54.9	6,050	9.0	20.7%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.3	0.15%	1.4	13,170	87.0	1,346	25.4	38.1%	5.4%	
SIP	Bất động sản	91.3	1.67%	0.0	18,906	99.0	5,555	16.2	6.2%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.4	0.57%	1.2	7,946	80.6	1,809	24.4	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.8	0.85%	1.6	11,794	106.7	1,466	12.0	8.9%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	56.9	0.35%	1.3	216,802	2229.4	3,026	18.7	9.2%	9.3%	
VRE	Bất động sản	19.8	3.39%	1.1	43,515	611.9	1,802	10.6	18.3%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.1	-0.36%	1.2	8,706	18.4	1,478	27.9	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.0	-0.73%	0.9	52,412	72.1	2,275	18.1	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	22.9	0.22%	1.1	12,674	59.5	1,255	18.2	8.7%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.8	-1.36%	1.8	15,755	153.4	1,869	27.6	29.9%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	31.1	-0.96%	1.7	17,985	150.7	1,583	19.8	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.2	0.00%	0.6	157,428	57.6	4,439	15.1	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	2.35%	1.0	29,859	329.2	535	23.9	3.7%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.5	0.69%	0.9	33,913	62.4	4,237	17.0	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.7	0.10%	0.5	52,320	62.8	2,632	36.7	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.5	0.64%	1.8	20,025	483.1	1,910	12.2	7.9%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.3	-1.19%	0.9	24,791	73.8	4,628	12.8	41.6%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.9	2.37%	1.2	6,586	147.8	4,419	11.5	10.3%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.0	0.00%	1.0	8,900	37.6	3,071	8.1	11.9%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	142.0	-1.11%	0.0	17,488	53.7	3,144	45.7	6.7%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.8	-0.79%	0.9	29,905	66.9	6,305	14.0	48.3%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	39.9	0.13%	0.6	4,054	109.1	2,710	14.7	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.7	2.36%	1.3	2,599	31.7	2,575	8.2	16.0%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.3	0.14%	1.0	13,775	56.7	1,518	23.2	8.9%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.6	1.32%	1.6	136,600	168.4	1,053	32.4	0.7%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	19.9	-1.00%	1.0	37,441	344.0	1,786	11.3	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.0	-0.44%	0.7	102,016	86.9	3,254	10.5	0.9%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.0	0.89%	0.0	23,127	25.3	2,702	6.2	2.0%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.2	0.45%	1.1	27,494	240.1	1,287	8.7	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	0.65%	1.9	6,893	134.1	1,391	11.1	5.8%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.9	1.51%	1.5	4,420	12.4	182	91.3	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.4	1.06%	0.5	7,888	135.0	1,584	20.8	3.7%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.6	-0.70%	0.8	64,000	80.9	3,376	14.8	59.9%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	66.3	-0.75%	1.3	14,993	53.6	5,496	12.2	25.0%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.5	-0.42%	1.3	9,823	11.7	12,103	9.9	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.2	0.00%	1.4	8,614	62.6	3,734	23.1	48.9%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	107.6	-0.37%	1.0	12,354	27.8	4,705	23.0	7.9%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.7	-0.39%	2.0	3,207	26.2	3,545	14.4	6.9%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	0.00%	1.6	5,338	51.8	937	13.2	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.0	0.44%	1.3	8,190	23.2	1,287	17.8	15.7%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.0	-0.71%	1.5	12,630	139.8	1,579	13.4	6.1%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	51.4	0.98%	1.2	22,821	54.1	2,464	20.7	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chínhTầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879**Trung tâm Phân tích nghiên cứu**hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108**Đối với Khách hàng tổ chức**hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659**Đối với Khách hàng cá nhân**i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660Website: <http://www.bsc.com.vn>